

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
***CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2021***  
***ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021***

**CÔNG TY CỔ PHẦN BOT CÀU THÁI HÀ**

## MỤC LỤC

----- oOo -----

---

---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01-02
2. BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03-04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	05-06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	08
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	09-28

---

---

# CÔNG TY CỔ PHẦN BOT CẦU THÁI HÀ

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

Ban Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

### 1. Thông tin chung về Công ty:

#### Thành lập:

Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà (viết tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1001045855 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 16/10/2014, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 29/01/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ sáu ngày 29/01/2021 là 592.468.000.000 VND (Năm trăm chín mươi hai tỷ, bốn trăm sáu mươi tám triệu đồng).

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần

#### Hoạt động kinh doanh của Công ty:

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị và thu phí cầu đường.

**Tên tiếng Anh:** THAI HA BRIDGE BOT JOINT STOCK

**Tên viết tắt:** BOT CAU THAI HA.,JSC

**Mã chứng khoán:** BOT

**Trụ sở chính:** Thôn Phú Vật, xã Tiên Đức, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, Việt Nam

### 2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

### 3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ gồm có:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Tiến Cương	Chủ tịch HĐQT - Người đại diện theo pháp luật
Ông Nguyễn Đức Ý	Thành viên
Ông Hoàng Quốc Anh	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Đức Ý	Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Phương	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 19/04/2021)
Bà Nguyễn Thị Minh Đức	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 19/04/2021)

### 4. Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 kèm theo được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

## CÔNG TY CỔ PHẦN BOT CẦU THÁI HÀ

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

### 5. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính giữa niên độ. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### 6. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Thái Bình, ngày 13 tháng 8 năm 2021

**Thay mặt Ban lãnh đạo**



**Ngô Tiến Cương**

Chủ tịch HĐQT





## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP. HCM

Auditing And Informatic Services Company Limited

Head Office: 389A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City

Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines)

Fax: (84.28) 3834 2957

Email: info@aisc.com.vn

Website: www.aisc.com.vn

Số: A0521029-SXR/AISHN-TC

### BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:**

**BAN GIÁM ĐỐC**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BOT CẦU THÁI HÀ**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công Cổ phần BOT Cầu Thái Hà (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 13 tháng 8 năm 2021, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### **Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập, trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi muốn lưu ý đến người đọc đến thuyết minh số VIII.6 trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 về khoản lỗ lũy kế tại 30/6/2021 là 244.109.262.074 đồng, tài sản ngắn hạn tại 30/6/2021 là 96.690.364.758 đồng, tổng nợ phải trả là 1.102.736.889.215 đồng, trong đó nợ ngắn hạn là 125.813.014.802 đồng. Doanh thu năm 2020 chỉ đạt 26,59% và 6 tháng đầu năm 2021 mới chỉ đạt 15% so với phương án tài chính. Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh liên tục bị âm từ thời điểm Công ty bắt đầu hoạt động thu phí. Hiện tại các khoản nợ tín dụng được thanh toán nhờ vào sự tài trợ của cổ đông lớn là Công ty TNHH Tiến Đại Phát. Các yếu tố trên cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

CH  
ON  
T  
DI  
TP  
/13  
/91

### **Vấn đề cần nhấn mạnh (tiếp theo)**

Ngày 04/02/2020, Công ty đã có công văn số 05/2020/TH-KTKH gửi Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục đường bộ Việt Nam và Ban quản lý dự án Thăng Long đề cập đến một số vấn đề còn tồn tại từ bước lập dự án đầu tư, mời nhà đầu tư, triển khai xây dựng, khai thác dự án cầu Thái Hà là những nguyên nhân làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty cũng đã đưa ra một số kiến nghị với các cơ quan quản lý Nhà nước nhằm giảm bớt khó khăn, tạo điều kiện cho nhà đầu tư có thể thu đúng, thu đủ để hoàn vốn đầu tư, như: đề xuất được lắp đặt bổ sung trạm thu phí, thực hiện tư vấn lập dự án đánh giá lưu lượng xe thực tế qua cầu, được vốn hóa các chi phí trong thời gian chờ hoạt động,...Hiện tại Công ty đang chờ văn bản trả lời của Bộ Giao thông vận tải và cấp có thẩm quyền về các nội dung theo Công văn nêu trên.

Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng, với tài sản hiện hữu thuộc sở hữu của Công ty là Cầu Thái Hà (tổng giá trị đầu tư là 1.375,425 tỷ đồng) và 93,488 tỷ đồng thuế GTGT trong giai đoạn đầu tư đang làm thủ tục hoàn thuế), cùng với sự hỗ trợ cam kết tài chính dài hạn để thanh toán các khoản nợ tín dụng của nhà đầu tư là Công ty TNHH Tiến Đại Phát theo văn bản số 09/TDP-TCKT ngày 02/02/2019 thì Công ty chắc chắn sẽ hoạt động liên tục trong tương lai.

*Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2021*

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN  
VÀ DỊCH VỤ TÍN HỌC TP HỒ CHÍ MINH**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**VŨ KHẮC CHUYỀN**

Số giấy CNDKHNKT: 0160-2018-005-1  
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>96.690.364.758</b>	<b>106.445.705.507</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>1.180.960.842</b>	<b>3.684.139.473</b>
1. Tiền	111		1.180.960.842	3.684.139.473
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.021.183.197</b>	<b>7.792.997.474</b>
1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.2	5.433.274.877	4.623.104.310
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	3.169.893.164	3.169.893.164
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.2-3	(6.581.984.844)	0
<b>III. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>93.488.220.719</b>	<b>94.968.568.560</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.9	93.488.220.719	94.968.568.560
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.354.405.262.383</b>	<b>1.365.122.582.204</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>V.4</b>	<b>1.354.405.262.383</b>	<b>1.365.122.582.204</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		1.354.405.262.383	1.365.122.582.204
- Nguyên giá	222		1.375.425.634.893	1.381.314.802.070
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.020.372.510)	(16.192.219.866)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.451.095.627.141</b>	<b>1.471.568.287.711</b>

02  
 NH  
 TNI  
 TO  
 TIN  
 MI  
 G



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.102.736.889.215</b>	<b>1.072.251.058.596</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>125.813.014.802</b>	<b>82.227.184.183</b>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.5	10.764.859.456	15.983.844.458
2. Phải trả người lao động	314		123.421.890	181.881.954
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.6	46.774.733.456	21.965.452.057
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.7	0	5.714
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.8a	66.030.000.000	42.416.000.000
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2.120.000.000	1.680.000.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>976.923.874.413</b>	<b>990.023.874.413</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.8b	972.423.874.413	986.423.874.413
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		4.500.000.000	3.600.000.000
<b>III. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>348.358.737.926</b>	<b>399.317.229.115</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.10</b>	<b>348.358.737.926</b>	<b>399.317.229.115</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		592.468.000.000	592.468.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		592.468.000.000	592.468.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(244.109.262.074)	(193.150.770.885)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(193.150.770.885)	(96.717.560.068)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(50.958.491.189)	(96.433.210.817)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.451.095.627.141</b>	<b>1.471.568.287.711</b>

Thái Bình, ngày 13 tháng 8 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Minh Đức

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Minh Đức

CHỦ TỊCH HĐQT



Ngô Tiên Cường

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	15.059.381.820	12.577.404.544
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	15.059.381.820	12.577.404.544
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	6.908.330.508	6.387.749.678
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>8.151.051.312</b>	<b>6.189.654.866</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		484.456	313.739
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	52.115.036.038	53.362.003.544
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>52.115.036.038</i>	<i>53.362.003.544</i>
8. Chi phí bán hàng	25		0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	6.991.278.401	514.393.640
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))</b>	<b>30</b>		<b>(50.954.778.671)</b>	<b>(47.686.428.579)</b>
11. Thu nhập khác	31		0	0
12. Chi phí khác	32		3.712.518	0
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(3.712.518)</b>	<b>0</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(50.958.491.189)</b>	<b>(47.686.428.579)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	0	0
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>(50.958.491.189)</b>	<b>(47.686.428.579)</b>
<b>17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.8</b>	<b>(860,1)</b>	<b>(983,2)</b>
<b>18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>VI.9</b>	<b>(860,1)</b>	<b>(983,2)</b>

Thái Bình, ngày 13 tháng 8 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Minh Đức

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Minh Đức

CHỦ TỊCH HĐQT



Ngô Tiên Cường



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(theo phương pháp trực tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		16.565.320.000	13.835.145.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(429.175.183)	(281.794.696)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(906.215.095)	(946.884.480)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(27.279.245.906)	(32.688.889.850)
5. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(68.346.903)	(86.875.904)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(12.117.663.087)</b>	<b>(20.169.299.930)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		484.456	313.739
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>484.456</b>	<b>313.739</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	30.514.505.000	29.230.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(20.900.505.000)	(5.088.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>9.614.000.000</b>	<b>24.142.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(2.503.178.631)</b>	<b>3.973.013.809</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm/kỳ</b>	<b>60</b>		<b>3.684.139.473</b>	<b>842.878.023</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.I</b>	<b>1.180.960.842</b>	<b>4.815.891.832</b>


Thái Bình, ngày 13 tháng 8 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Minh Đức

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Minh Đức

GIÁM ĐỐC



Ngô Tiến Cường

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Thành lập:**

Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà (viết tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1001045855 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 16/10/2014, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 29/01/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ sáu ngày 29/01/2021 là 592.468.000.000 VND (Năm trăm chín mươi hai tỷ, bốn trăm sáu mươi tám triệu đồng).

**Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty cổ phần

**Tên tiếng Anh:** THAI HA BRIDGE BOT JOINT STOCK**Tên viết tắt:** BOT CAU THAI HA.,JSC**Trụ sở chính:** Thôn Phú Vật, xã Tiên Đức, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, Việt Nam**2. Lĩnh vực kinh doanh:**

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị và thu phí cầu đường.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Gia công cơ khí;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;

**3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hằng năm.

**4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:**

Không có.

**5. Tổng số nhân viên đến ngày 30 tháng 6 năm 2021: 32 nhân viên.****6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020 đã được soát xét có thể so sánh được.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đồng Việt Nam (đồng) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

**3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):****3.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**3.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

*Tài sản cố định hữu hình mua sắm*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

**3.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định của Công ty là Cầu Thái Hà, được đầu tư theo hợp đồng BOT. Từ năm 2020, tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án theo quy định tại thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi Thông tư 45/2013/TT-BTC.

*Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:*

*Cầu đường*

*16 năm 7 tháng*

**4. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả người lao động, phải trả khác, ... tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

**5. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:**

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay:** lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

994  
HI NH  
NG T  
M  
CH V  
PHỐC  
TRÚT



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay (tiếp theo)**

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

**7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Công ty đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế Công ty chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo, như: chi phí lãi tiền vay; chi phí trích trước cho các công trình...

**8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác, bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng, cổ tức lợi nhuận được chia, lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện, lãi thu được từ hoạt động kinh doanh chứng khoán.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

-00-  
ÁN  
TN  
FO  
TIN  
Í MI  
G -



**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)**

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung có định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**11. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại), chi phí bằng tiền khác.

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp đã ghi nhận không được coi là chi phí được trừ khi tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn, chứng từ thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

**Chi phí tài chính là khoản chi phí đi vay vốn.**

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

**14. Công cụ tài chính:****Ghi nhận ban đầu:****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư tài chính ngắn hạn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**14. Công cụ tài chính (tiếp theo)**

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay và chi phí phải trả.

**Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

Thuế GTGT: Công ty thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT áp dụng là: 0%, 10% và không chịu thuế.

Các loại thuế, phí khác thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN BOT CÀU THÁI HÀ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Đơn vị: Đồng.

1. Tiền và các khoản tương đương tiền		30/06/2021	01/01/2021		
<b>Tiền</b>		<b>1.180.960.842</b>	<b>3.684.139.473</b>		
Tiền mặt		1.176.706.417	3.545.992.639		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		4.254.425	138.146.834		
<b>Cộng</b>		<b>1.180.960.842</b>	<b>3.684.139.473</b>		
2. Trả trước cho người bán		30/06/2021	01/01/2021		
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>		<b>5.433.274.877</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>4.623.104.310</b>	<b>0</b>
Công ty cổ phần thương mại Trường Lưu Thủy		2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	0
Trung tâm phát triển quỹ đất Huyện Hưng Hà		612.091.680	612.091.680	612.091.680	0
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM		1.045.454.454		1.045.454.454	
Các đối tượng khác		1.275.728.743	300.000.000	465.558.176	
<b>Cộng</b>		<b>5.433.274.877</b>	<b>3.412.091.680</b>	<b>4.623.104.310</b>	<b>0</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

3. Phải thu khác	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn (*)</b>	<b>3.169.893.164</b>	<b>3.169.893.164</b>	<b>3.169.893.164</b>	<b>0</b>
Công ty TNHH Tiến	2.642.445.621	2.642.445.621	2.642.445.621	
Đại Phát - XL 03 Công ty Cổ phần Đầu tư và kinh doanh địa ốc Hà Nội	174.428.180	174.428.180	174.428.180	0
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Bản Thái	137.963.980	137.963.980	137.963.980	0
Công ty CP Cầu 11 Thăng Long	14.954.042	14.954.042	14.954.042	0
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển kinh doanh Vượng phát	101.341	101.341	101.341	0
<b>Ký quỹ</b>				
Ủy ban nhân dân xã Tiến Đức	200.000.000	200.000.000	200.000.000	0
<b>Cộng</b>	<b>3.169.893.164</b>	<b>3.169.893.164</b>	<b>3.169.893.164</b>	<b>0</b>

(\*) Khoản phải thu tiền điện của các nhà thầu trong giai đoạn thi công, số tiền này sẽ được bù trừ với công nợ phải trả khi dự án được Bộ GTVT phê duyệt quyết toán. Tổng khoản phải thu tiền điện là: 2.969.893.164 đồng

**b. Phải thu khác bên liên quan**

Công ty TNHH Tiến	2.642.445.621	2.642.445.621	2.642.445.621	0
Đại Phát - XL 03				
<b>Cộng</b>	<b>2.642.445.621</b>	<b>2.642.445.621</b>	<b>2.642.445.621</b>	<b>0</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**4. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu kỳ (*)	1.381.314.802.070	1.381.314.802.070
Giảm trong kỳ (**)	(5.889.167.177)	(5.889.167.177)
Số dư cuối kỳ	1.375.425.634.893	1.375.425.634.893
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu kỳ	16.192.219.866	16.192.219.866
Khấu hao trong kỳ	4.828.152.644	4.828.152.644
Số dư cuối kỳ	21.020.372.510	21.020.372.510
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu kỳ	1.365.122.582.204	1.365.122.582.204
Số dư cuối kỳ	1.354.405.262.383	1.354.405.262.383

(\*) Tài sản cố định hữu hình là giá trị công trình cầu Thái Hà được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh. Hiện tại dự án đã thi công xong và đưa vào khai thác sử dụng. Do đó chi phí hợp lý của dự án phụ thuộc vào kết quả phê duyệt giá trị quyết toán dự án của các Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

(\*\*) Điều chỉnh giảm trong kỳ theo hồ sơ quyết toán với các nhà thầu, cụ thể:

- Gói thầu xây lắp 02 Thi công xây dựng kết cấu phần trên cầu chính (Km4+ 135 -Km4 +639,279) và 02 trụ T33, T34 thuộc kết cấu phần dưới cầu chính Nhà thầu thi công: Liên danh Cầu 14 - Cầu 11; số tiền: 3.865.347.700 đồng
- Gói thầu xây lắp 05 Thi công xây dựng đường dẫn phía Hà Nam (KM0+00-KM2+873,604) Nhà thầu thi công: Liên danh 16CIENCO1 và Bình Minh ( nay là Thành Đạt - Bình Minh); số tiền: 1.458.801.600 đồng
- Gói thầu xây lắp 07 Thi công xây dựng, lắp đặt điện chiếu sáng cầu chính và 2 cầu dẫn Nhà thầu thi công: Công ty TNHH Tiến Đại Phát, số tiền: 565.017.877 đồng



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

5. Phải trả người bán	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>10.764.859.456</b>	<b>10.764.859.456</b>	<b>15.983.844.458</b>	<b>15.983.844.458</b>
Công ty Cổ phần cầu 14 - CIENCO 1	4.868.020.650	4.868.020.650	5.974.897.650	5.974.897.650
Công ty Cổ phần Tư vấn và xây dựng Phú Xuân	3.522.330.279	3.522.330.279	3.522.330.279	3.522.330.279
Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long	0	0	2.435.060.700	2.435.060.700
Công ty Cổ phần xây dựng D&T Việt Nam	828.388.000	828.388.000	828.388.000	828.388.000
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	179.289.727	179.289.727	744.307.604	744.307.604
Công ty Cổ phần đầu tư và kinh doanh Địa Ốc Hà Nội	682.632.000	682.632.000	682.632.000	682.632.000
Công ty Cổ phần đầu tư và XNK Bình Minh	0	0	651.652.600	651.652.600
Công ty Cổ phần 16 - CIENCO 1	0	0	419.917.000	419.917.000
Công ty Tư vấn thiết kế kiến trúc xây dựng	355.000.000	355.000.000	355.000.000	355.000.000
Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Thái Sơn	173.446.000	173.446.000	173.446.000	173.446.000
Phải trả người bán khác	155.752.800	155.752.800	196.212.625	196.212.625
<b>Cộng</b>	<b>10.764.859.456</b>	<b>10.764.859.456</b>	<b>15.983.844.458</b>	<b>15.983.844.458</b>
<b>b. Phải trả người bán bên liên quan</b>				
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	179.289.727	179.289.727	744.307.604	744.307.604
<b>Cộng</b>	<b>179.289.727</b>	<b>179.289.727</b>	<b>744.307.604</b>	<b>744.307.604</b>
<b>6. Chi phí phải trả ngắn hạn</b>				
			<b>30/06/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
Chi phí lãi vay phải trả			46.774.733.456	21.938.943.324
Chi phí tiền điện			0	26.508.733
<b>Cộng</b>			<b>46.774.733.456</b>	<b>21.965.452.057</b>
<b>7. Phải trả ngắn hạn khác</b>				
			<b>30/06/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
Phải trả ngắn hạn khác			0	5.714
<b>Cộng</b>			<b>0</b>	<b>5.714</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BOT CẦU THÁI HÀ**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

Mẫu số B 09 - DN  
 Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**8. Vay và nợ thuê tài chính**

Chi tiêu	30/6/2021		Trong năm		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>						
Vay ngắn hạn						
Công ty TNHH Tiến Đại Phát (*)	66.030.000.000	66.030.000.000	59.514.505.000	35.900.505.000	42.416.000.000	42.416.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	37.030.000.000	37.030.000.000	30.514.505.000	15.900.505.000	22.416.000.000	22.416.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hà Nam (**)	29.000.000.000	29.000.000.000	29.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
<b>b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>						
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hà Nam (**)	972.423.874.413	972.423.874.413	0	5.000.000.000	986.423.874.413	986.423.874.413
Cộng (a+b)	1.038.453.874.413	1.038.453.874.413	59.514.505.000	40.900.505.000	1.028.839.874.413	1.028.839.874.413

**c. Vay và nợ thuê tài chính là bên liên quan**

Chi tiêu	30/06/2021		Trong năm		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay Công ty</b>						
Công ty TNHH Tiến Đại Phát (*)	37.030.000.000	37.030.000.000	30.514.505.000	15.900.505.000	22.416.000.000	22.416.000.000
Cộng	37.030.000.000	37.030.000.000	30.514.505.000	15.900.505.000	22.416.000.000	22.416.000.000

(\*) Khoản vay của nhà đầu tư là Công ty TNHH Tiến Đại Phát theo Hợp đồng số 0106/2015/HĐVT/TĐP-BOTTH ngày 01/06/2015; Phụ lục hợp đồng số 1806/2019/PLHĐ/TĐP-BOTTH ngày 18/06/2019; Phụ lục hợp đồng số 1612/2019/PLHĐ/-BOTTH ngày 16/12/2019 thỏa thuận số tiền vay tối đa 150 tỷ đồng, số tiền vay cụ thể từng lần theo đề nghị, lãi suất chủ yếu để trả nợ lãi vay và một phần nợ gốc vay cho ngân hàng.

(\*\*) Hợp đồng tín dụng số HD 01/2015-HDDTDDDA/NHCT-BOT THAIHA ngày 31 tháng 03 năm 2015; Phụ lục hợp đồng số 01/2019-HĐCV-SBDDS02/NHCT384-BOT THAIHA ngày 01/12/2019. Ngân hàng cam kết cho Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà vay với tổng giá trị không vượt quá 1.223.904.000.000 đồng, thời hạn vay là 161 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hà Nam, được ghi trên từng giấy nhận nợ từng lần. Mục đích vay vốn: Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án, thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Thái Hà vượt sông Hồng trên đường nối hai tỉnh Thái Bình - Hà Nam, với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, giai đoạn I theo hình thức Hợp đồng BOT.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính giữa niên độ.

NG  
 CHỈ  
 TỐ  
 Y T  
 TÁN



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	01/01/2021	Số phải nộp tăng trong kỳ	Số đã thực	
			nộp/Khấu trừ trong kỳ	30/06/2021
<b>a. Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	94.968.568.560	25.590.339	1.505.938.180	93.488.220.719
Thuế môn bài	0	3.000.000	3.000.000	0
<b>Cộng</b>	<b>94.968.568.560</b>	<b>28.590.339</b>	<b>1.508.938.180</b>	<b>93.488.220.719</b>

**10. Vốn chủ sở hữu****a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2020	485.000.000.000	(96.717.560.068)	388.282.439.932
Tăng vốn	107.468.000.000	0	107.468.000.000
Lỗ trong kỳ	0	(96.433.210.817)	(96.433.210.817)
<b>Số dư tại 31/12/2020</b>	<b>592.468.000.000</b>	<b>(193.150.770.885)</b>	<b>399.317.229.115</b>
Số dư tại 01/01/2021	592.468.000.000	(193.150.770.885)	399.317.229.115
Lỗ trong kỳ	0	(50.958.491.189)	(50.958.491.189)
<b>Số dư tại 30/6/2021</b>	<b>592.468.000.000</b>	<b>(244.109.262.074)</b>	<b>348.358.737.926</b>

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ vốn góp	30/6/2021	01/01/2021
Công ty TNHH Tiên Đại Phát	40,21%	238.258.000.000	238.258.000.000
Cổ đông khác	59,79%	354.210.000.000	354.210.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>592.468.000.000</b>	<b>592.468.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
Vốn góp của chủ sở hữu	592.468.000.000	485.000.000.000
Vốn góp đầu năm	592.468.000.000	485.000.000.000
Vốn góp cuối năm	592.468.000.000	485.000.000.000

**d. Cổ phiếu**

	30/6/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	59.246.800	48.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	59.246.800	48.500.000
Cổ phiếu phổ thông	59.246.800	48.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	59.246.800	48.500.000
Cổ phiếu phổ thông	59.246.800	48.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
<b>7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Lỗi trước thuế	(50.958.491.189)	(47.686.428.579)
<b>Thu nhập tính thuế</b>	(50.958.491.189)	(47.686.428.579)
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	0	0
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(50.958.491.189)	(47.686.428.579)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	0	0
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(50.958.491.189)	(47.686.428.579)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	59.246.800	48.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(860)</b>	<b>(983)</b>
<b>9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(50.958.491.189)	(47.686.428.579)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	(50.958.491.189)	(47.686.428.579)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	59.246.800	48.500.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	59.246.800	48.500.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(860)</b>	<b>(983)</b>

**10. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**10.1 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và ngày 01 tháng 01 năm 2021.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**10. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)****Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Độ nhạy đối với lãi suất**

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản vay) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
<b>Giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021</b>		
Đồng	+200	-10.372.729.136
Đồng	-200	10.372.729.136
<b>Giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020</b>		
Đồng	+100	(20.503.114.699)
Đồng	-100	20.503.114.699

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn so với các kỳ trước.

**10.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khác**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**10.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 30/6/2021	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	66.030.000.000	972.423.874.413	0	1.038.453.874.413
Phải trả người bán	10.764.859.456	0	0	10.764.859.456
Chi phí phải trả	46.774.733.456	0	0	46.774.733.456
<b>Cộng</b>	<b>123.569.592.912</b>	<b>972.423.874.413</b>	<b>0</b>	<b>1.095.993.467.325</b>

Ngày 01/01/2021	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	42.416.000.000	986.423.874.413	0	1.028.839.874.413
Phải trả người bán	15.983.844.458	0	0	15.983.844.458
Chi phí phải trả	21.965.452.057	0	0	21.965.452.057
<b>Cộng</b>	<b>80.365.296.515</b>	<b>986.423.874.413</b>	<b>0</b>	<b>1.066.789.170.928</b>

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 06 năm 2021 và ngày 01 tháng 01 năm 2021.

**11. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và 01 tháng 01 năm 2021. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.







**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	30.514.505.000	29.230.000.000

**2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	20.900.505.000	5.088.000.000

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**2. Giao dịch với các bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	Nhà đầu tư
Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam	Nhà đầu tư
Công ty Cổ phần PIV	Nhà đầu tư
Ông Ngô Tiến Cương	Chủ tịch HĐQT, Nhà đầu tư
Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Nhà đầu tư
Thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty	Quản lý chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong kỳ như sau:

**Giao dịch với Bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
<b>Vay và nợ thuê tài chính</b>			
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	Nhà đầu tư	Vay ngắn hạn	30.514.505.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**Số dư với bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/06/2021	01/01/2021
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>			
Công ty TNHH Tiến Đại Phát - XL 03	Nhà đầu tư	2.642.445.621	2.642.445.621
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	Nhà đầu tư	179.289.727	744.307.604
<b>Vay và nợ thuê tài chính</b>			
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	Nhà đầu tư	37.030.000.000	22.416.000.000

**3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Doanh thu của Công ty đến từ hoạt động thu phí (100%), địa bàn chủ yếu ở Thái Bình nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và lĩnh vực địa lý.

**4. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2021 trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020 trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020 của Công ty đã được kiểm toán và soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh

**5. Thông tin về hoạt động liên tục:**

Tính đến thời điểm 30/6/2021, khoản lỗ lũy kế tại 30/6/2021 là 244.109.262.074 đồng, tài sản ngắn hạn tại 30/6/2021 là 96.690.364.758 đồng, tổng nợ phải trả là 1.102.736.889.215 đồng, trong đó nợ ngắn hạn là 125.813.014.802 đồng. Doanh thu năm 2020 chỉ đạt 26,59% và 6 tháng đầu năm 2021 mới chỉ đạt 15% so với phương án tài chính. Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh liên tục bị âm từ thời điểm Công ty bắt đầu hoạt động thu phí. Hiện tại các khoản nợ tín dụng được thanh toán nhờ vào sự tài trợ của cổ đông lớn là Công ty TNHH Tiến Đại Phát.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**5. Thông tin về hoạt động liên tục (tiếp theo)**

Ngày 04/02/2020, Công ty đã có công văn số 05/2020/TH-KTKH gửi Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục đường bộ Việt Nam và Ban quản lý dự án Thăng Long đề cập đến một số vấn đề còn tồn tại từ bước lập dự án đầu tư, mời nhà đầu tư, triển khai xây dựng, khai thác dự án cầu Thái Hà là những nguyên nhân làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty cũng đã đưa ra một số kiến nghị với các cơ quan quản lý Nhà nước nhằm giảm bớt khó khăn, tạo điều kiện cho nhà đầu tư có thể thu đúng, thu đủ để hoàn vốn đầu tư, như: đề xuất được lắp đặt bổ sung trạm thu phí, thực hiện tư vấn lập dự án đánh giá lưu lượng xe thực tế qua cầu, được vốn hóa các chi phí trong thời gian chờ hoạt động,...Hiện tại Công ty đang chờ văn bản trả lời của Bộ Giao thông vận tải và cấp có thẩm quyền về các nội dung theo Công văn nêu trên.

Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng, với tài sản hiện hữu thuộc sở hữu của Công ty là Cầu Thái Hà (tổng giá trị đầu tư là 1.375,425 tỷ đồng) và 93,488 tỷ đồng thuế GTGT trong giai đoạn đầu tư đang làm thủ tục hoàn thuế), cùng với sự hỗ trợ cam kết tài chính dài hạn để thanh toán các khoản nợ tín dụng của nhà đầu tư là Công ty TNHH Tiến Đại Phát theo văn bản số 09/TDP-TCKT ngày 02/02/2019 thì Công ty chắc chắn sẽ hoạt động liên tục trong tương lai.

Thái Bình, ngày 13 tháng 8 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Minh Đức

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Minh Đức

CHỦ TỊCH HĐQT



Ngô Tiến Cường